

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA HANG
TỈNH TUYÊN QUANG**
Bản án số:02/2019/DS-ST
Ngày 08/8/2019
“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đức Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nhâm;
2. Ông Lương Quang Toán;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Tổ L, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. (Bà N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai Nng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên toà nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày:

Từ ngày 08/4/2016 đến ngày 18/6/2016 bà Hoàng Thị N, sinh năm 1970, Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang

đã mua một số vật liệu xây dựng của bà Hoàng Thị H, cụ thể:

- 09 thùng sơn chống kiềm nội thất loại 18 lít trị giá 1.890.000đ/ thùng= 17.010.000đ.
- 02 thùng sơn chống kiềm ngoại thất loại 18 lít trị giá 2.480.000đ/thùng= 4.960.000đ.
- 04 thùng sơn bóng nội thất 7 in (mã màu 260 loại 18 lít) trị giá 4.495.000/thùng= 17.980.000đ.
- 01 thùng sơn bóng nội thất 7in (mã màu 221 loại 18 lít) trị giá 4.495.000đ/thùng.
- 02 thùng sơn bóng nội thất 7in (mã màu 220 loại 18 lít) trị giá 4.495.000đ/thùng= 8.990.000đ.
- 05 thùng sơn chống thấm (loại 18 lít) trị giá 2.495.000đ/thùng= 12.475.000đ.
- 02 thùng sơn bóng ngoại thất (loại 18 lít) trị giá 4.974.000đ/thùng= 9.948.000đ.
- 01 lon sơn bóng ngoại thất (mã màu 602 loại 5 lít) trị giá 1.498.000đ.
- 01 lon sơn bóng ngoại thất (mã màu 656 loại 5 lít) trị giá 1.498.000đ.
- 02 lon sơn bóng ngoại thất (mã màu 655 loại 5 lít) trị giá 1.498.000đ/lon= 2.996.000đ.
- 01 lon sơn bóng ngoại thất (mã màu 652 loại 5 lít) trị giá 1.498.000đ.
- 02 lon sơn bóng ngoại thất (mã màu 646 loại 5 lít) trị giá 1.498.000đ/lon= 2.996.000đ.
- 02 lon sơn bóng ngoại thất (mã màu 661 loại 5 lít) trị giá 1.498.000đ/lon= 2.996.000đ.
- 01 lon sơn bóng ngoại thất (mã màu 646 loại 1 lít) trị giá 313.000đ.
- 02 lon sơn chống kiềm nội thất (loại 5 lít) trị giá 568.000đ/lon= 1.136.000đ.
- 02 lon sơn chống kiềm ngoại thất (loại 5 lít) trị giá 698.000đ/lon= 1.396.000đ.
- 04 bao bột bả, giá 698.000đ/bao= 2.792.000đ.

Tổng tiền sơn, bột bả bà N mua của bà H là **94.977.000đ** Nng được chiết khấu 25% tương ứng số tiền 23.744.000đ do đó tổng số tiền sơn bà N nợ là **71.233.000đ**.

- Ngày 16/6/2016 lấy 01 bao bột bả giá 698.000đ.

- Ngày 18/6/2016 lấy thêm 03 bao bột bả giá 698.000đ/bao= 2.094.000đ.

Tiền bột bả của 2 lần là 2.792.000đ - 25% triết khấu = 2.094.000đ;

- 01 viên gạch ốp tường (kích thước 86x50) giá 65.000đ.

- Bà N trả lại 1 son chống kiềm = 1.415.000đ;

- Tiền thạch cao và vật liệu thạch cao là 8.500.000đ.

- Tiền các loại gạch (bao gồm gạch lát nhà, gạch ốp tường, gạch lát sân) là 61.188.000đ.

Tổng tiền vật liệu xây dựng bà N nợ bà H là 141.665.000đ Nng bà H chỉ tính là 141.646.000đ. Việc lấy vật liệu xây dựng các bên có lập hóa đơn bán hàng và có ký nhận của bà N, các bên thỏa thuận, sau 01 năm tức là ngày 18/6/2017 đương lịch bà N phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên.

Đến hạn, bà H đã đòi nợ nhiều lần Nng bà N không trả, bà H khởi kiện yêu cầu bà N phải trả số tiền nợ gốc là 141.646.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định kể từ ngày 18/6/2017 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản ghi lời khai (Bút lục 36, 37, 38) bị đơn bà Hoàng Thị N trình bày:

Khoảng năm 2013 bà N có mua vật liệu xây dựng gồm các loại gạch lát, thiết bị vệ sinh của bà Hoàng Thị H, do lâu ngày nên không nhớ cụ thể là mua bao nhiêu. Việc mua bán vật liệu xây dựng chỉ thỏa thuận bằng miệng không lập hợp đồng gì, khi giao hàng, thanh toán tiền cũng không có hóa đơn, chứng từ gì. Mỗi lần lấy hàng bà N đã trực tiếp thanh toán tiền luôn, việc thanh toán tiền không có ai chứng kiến, có lần thanh toán tiền cho người nhà bà H mang hàng lên, có lần gửi xe Trọng Lộc, bà H viết phiếu báo số tiền thì bà N gửi tiền nhờ nhà xe Trọng Lộc đưa cho bà H. Bà N xác định việc mua bán vật liệu xây dựng với bà H các bên đã thanh toán xong, không còn nợ khoản tiền nào.

Bà H trình bày từ ngày 08/4/2016 đến ngày 18/6/2016 bà N mua vật liệu xây dựng và còn nợ bà H số tiền 141.646.000 đồng là không đúng sự thật. Hóa đơn bán hàng có ghi tên khách hàng và ký nhận Hoàng Thị N không phải là chữ ký và chữ viết của bà N.

Nay bà H khởi kiện đề nghị bà N trả cho bà H tổng số tiền nợ gốc là 141.646.000 đồng và tính lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định kể từ ngày 18/6/2017 đến khi xét xử sơ thẩm, bà N không nhất trí trả bất kỳ khoản tiền nào.

Quá trình giải quyết bà H có đơn đề nghị giám định chữ viết và chữ ký của bà Hoàng Thị N, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định. Tại Kết luận giám định số 428/GĐ-KTHS ngày 13/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang đã kết luận: Mẫu chữ ký “N” và chữ viết “Hoàng Thị N” trong Hoá đơn bán hàng với mẫu chữ ký “N” và chữ viết “Hoàng Thị N ghi trong các Biên bản lấy lời khai của bà N, Biên bản hoà giải, Biên bản giao nhận tài liệu, quyết định đối chất của Tòa án là của cùng một người ký và viết.

Tòa án không tiến hành đối chất, hòa giải được do bà Hoàng Thị N đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần Nng cố tình vắng mặt, không có lý do.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên toà.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng N tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền nghĩa vụ của đương sự; Bị đơn không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, mặc dù nhận được tất cả các giấy báo, thông báo, quyết định của Tòa án Nng cố tình không đến, gây khó khăn cho việc giải quyết và xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 428, 431, 432, 438, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà N phải trả cho bà H số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 141.646.000 đồng và tính lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định kể từ ngày 18/6/2017 đến khi xét xử sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Bà Hoàng Thị N phải chịu số tiền chi phí giám định, hoàn trả lại cho bà H số tiền chi phí giám định đã nộp.

Đề nghị HĐXX tuyên về án phí và quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Hoàng Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu bà

Hoàng Thị N phải thanh toán số tiền số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 141.646.000 đồng và tính lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định kể từ ngày 18/6/2017 đến khi xét xử sơ thẩm. Do vậy xác định quan hệ pháp luật là “*Kiến tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Hoàng Thị N có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Na Hang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Hoàng Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai Nng vẫn vắng mặt không có lý do, HĐXX xét thấy: Trong hồ sơ đã có Lời khai của bà N và các tài liệu chứng cứ khác; Việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung vụ án: Từ ngày 08/4/2016 đến ngày 18/6/2016 bà Hoàng Thị N đã mua một số vật liệu xây dựng của bà Hoàng Thị H và nợ tổng số tiền là 141.646.000đ. Việc mua, bán vật liệu xây dựng các bên có lập hóa đơn bán hàng và có ký nhận của bà N. Các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 01 năm tức là ngày 18/6/2017 dương lịch bà N phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho bà H, Nng bà N không trả. Bà H khởi kiện yêu cầu bà N phải trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 141.646.000đ. HĐXX thấy rằng:

Căn cứ lời khai của đương sự, kết quả giám định chữ viết và chữ ký, cùng các tài liệu chứng cứ khác có đủ căn cứ xác định: “Chữ viết và chữ ký Hoàng Thị N” trong hóa đơn bán hàng (bút lục 02) là chữ viết và chữ ký của bà Hoàng Thị N. Nội dung hóa đơn thể hiện số lượng vật liệu xây dựng bà N mua của bà H và số tiền còn nợ 141.646.000đ là phù hợp, bà H khởi kiện yêu cầu bà N phải trả số tiền nợ trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Bà Hoàng Thị N thừa nhận có mua vật liệu xây dựng của bà H, Nng cho rằng đã thanh toán xong, không còn nợ khoản tiền nào, tuy nhiên bà N không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đã thanh toán 141.646.000đ cho bà H. Mặt khác nhân chứng là nhà xe Trọng Lộc (tại bút lục số 81) xác định không cầm bất kỳ khoản tiền nào của bà N nhờ trả tiền vật liệu xây dựng cho bà H. Vì vậy HĐXX thấy không có căn cứ để xem xét việc bà N đã thanh toán nợ.

Về lãi suất: Trong Hóa đơn bán hàng các bên không ghi lãi suất và không ghi thời gian trả nợ, bà H trình bày đã thỏa thuận với bà N thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 18/6/2017. Từ khi bà N lấy xong vật liệu xây dựng, bà H đã đòi nợ rất nhiều lần Nng bà N không trả, nên ngày 04/4/2017 bà H đã khởi kiện tại

Tòa án (bút lục số 08), tuy nhiên thời điểm đó chưa hết thời gian các bên thỏa thuận trả nợ, vì vậy bà H đã làm đơn xin tạm dừng giải quyết đơn. Khi hết thời hạn thỏa thuận thanh toán nợ bà H đã khởi kiện bà N, vì vậy có căn cứ xác định thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ và tính lãi suất là kể từ ngày 19/6/2017 dương lịch.

Căn cứ theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, thì lãi suất do các bên thỏa thuận Nng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố với loại cho vay tương ứng. Tại đơn khởi kiện và tại phiên toà nguyên đơn bà H yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định kể từ ngày 19/6/2017 dương lịch đến khi xét xử sơ thẩm, HĐXX xét thấy yêu cầu của bà H là phù hợp nên được chấp nhận.

Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng mức lãi suất N sau: Lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm : 12 tháng = 0,75/tháng:

$$141.646.000đ \times 0,75\% / \text{tháng} = 1.062.345đ / \text{tháng};$$

$$\text{Từ ngày 19/6/2017 đến ngày 08/8/2019} = 25 \text{ tháng} + 20 \text{ ngày};$$

$$1.062.345đ / \text{tháng} \times 25 \text{ tháng} + 20 \text{ ngày} = 27.266.855; \text{ Tổng cộng buộc bà N phải trả cho bà H số tiền là } 168.912.855đ \text{ (Làm tròn số } 168.913.000đ).$$

[3]. Về chi phí giám định: Bà Hoàng Thị H không phải chịu tiền chi phí giám định. Bà Hoàng Thị N phải chịu số tiền chi phí giám định là 3.660.000đ, do bà H đã thanh toán cho cơ quan giám định, vì vậy bà N phải hoàn trả lại cho bà H số tiền trên.

[4]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bà Hoàng Thị H không phải chịu án phí, bà Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35; khoản 1 Điều 39; Các Điều 144, 147, 159, 160, 161, 162, 227, 228, 235, 254, 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 428, 431, 432, 438, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H.

1. Buộc bà Hoàng Thị N phải trả cho bà Hoàng Thị H số tiền 168.913.000đ (*Một trăm sáu mươi tám triệu, chín trăm mười ba nghìn đồng*);

2. Buộc bà Hoàng Thị N phải hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị H số tiền chi phí giám định đã nộp là 3.660.000đ (*Ba triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*);

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi, trên số tiền chưa thi hành án với mức lãi suất tương ứng với thời gian thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Hoàng Thị N phải chịu 8.445.700đ (*Tám triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm đồng*) án phí dân sự có giá ngạch. Bà Hoàng Thị H không phải chịu án phí; hoàn trả cho bà Hoàng Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.541.150đ tại biên lai thu số 0005986 ngày 27/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Hang;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Đức Quỳnh

